BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**COURSE SPECIFICATION**

**NGÀNH: KẾ TOÁN**

**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. **Thông tin tổng quát - General information**
   1. Tên môn học tiếng Việt/Course title in Vietnamese: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã môn học/Course code: ACCO4302

* 1. Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English: MANAGERIAL ACCOUNTING
  2. Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:

☐ Trực tiếp/FTF ☐ Trực tuyến/Online ☒ Kết hợp/Blended

* 1. Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:

☒ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Cả hai/Both

* 1. Thuộc thành phần kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:

☐ Giáo dục đại cương/General ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major

☐ Kiến thức cơ sở/Foundation ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional

☒ Kiến thức ngành/Discipline ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

* 1. Số tín chỉ/Credits

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
| 03 | 03 | 0 | 105 |

* 1. Phụ trách môn học-Administration of the course

1. Khoa/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa Kế toán-Kiểm toán/ Bộ môn Kế toán quốc tế
2. Giảng viên/Academics: ThS. Lý Nguyễn Thu Ngọc
3. Địa chỉ email liên hệ/Email: ngoc.lnt@ou.edu.vn
4. Phòng làm việc/Room: 105, 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM
5. **Thông tin về môn học-Course overview**
   1. Mô tả môn học/Course description:

Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện việc tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng của kế toán quản trị cần thiết cho công việc của người kế toán trong doanh nghiệp.

* 1. Môn học điều kiện/Requirements:

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
| --- | --- | --- |
|  | Môn tiên quyết/Pre-requisites |  |
|  | Không yêu cầu môn học tiên quyết |  |
|  | Môn học trước/Preceding courses |  |
|  | Kế toán chi phí | ACCO4301 |
| 3. | Môn học song hành/Co-courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học song hành |  |

* 1. Mục tiêu môn học/Course objectives

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **Mô tả - Description** | **CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - PLOs** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp. | PLO4.1 |
| CO2 | Trang bị các kỹ thuật, mô hình cơ bản nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định ngắn hạn của nhà quản trị trong doanh nghiệp | PLO4.4  PLO4.7  PLO5.5 |
| CO3 | Rèn luyện cho sinh viên có năng lực về tổ chức thực hiện công việc: có khả năng quản lý công việc của bản thân và người khác | PLO11.1 |

* 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)

Học xong môn học này, người học có khả năng

| **Mục tiêu môn học/Course objectives** | **CĐR môn học**  **(CLO)** | **Mô tả CĐR -Description** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1 | Giải thích ý nghĩa của hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp đối với việc phục vụ chức năng của nhà quản trị |
| CO2 | CLO2 | Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị. |
| CO3 | CLO3 | Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| **CLOs** | **PLO4.1** | **PLO4.4** | **PLO4.7** | **PLO5.5** | **PLO11.1** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** | 3 |  |  |  |  |
| **CLO2** |  | 4 | 4 | 4 |  |
| **CLO3** |  |  |  |  | 4 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *1: Không đáp ứng* | | *4: Đáp ứng nhiều* |
| *2: Ít đáp ứng* | | *5: Đáp ứng rất nhiều* |
| *3: Đáp ứng trung bình* | |

* 1. Học liệu – Textbooks and materials
     1. *Giáo trình-Textbooks*

[1] Hồ Sỹ Tuy Đức và cộng sự. Kế Toán Quản Trị. TP Hồ Chí Minh: Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh, 2021. [658.151 H6781Đ822 23]

* + 1. *Tài liệu tham khảo)/Other materials*

[2] Drury, C. Cost and management accounting. UK: Cengaga Learning, 2018 [658.1511 D796 23]

* 1. Đánh giá môn học/Student assessment

| **Thành phần đánh giá/Type of assessment** | **Bài đánh giá**  **Assessment methods** | **Thời điểm**  **Assemment time** | **CĐR môn học/CLOs** | **Tỷ lệ %**  **Weight %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A1. Đánh giá quá trình/Formative assessment** | A.1.1 Thảo luận | Sau chương 1 | CLO1, CLO3 | 5% |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | Sau chương 3 và chương 6 | CLO2 | 5% |
| A.1.3 Bài tập thực hành | Sau chương 4 và chương 7 | CLO2, CLO3 | 20% |
| **Tổng cộng** |  |  | **30%** |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment** | A.2.1 Bài trắc nghiệm | Sau chương 4 | CLO1, CLO2 | 15% |
| A.2.2 Bài tập tự luận | Sau chương 4 | CLO2, CLO3 | 5% |
| **Tổng cộng** |  |  | **20%** |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ /End-of-course assessment** | A.3.1 Bài trắc nghiệm | Sau khi kết thúc môn học | CLO1,  CLO2 | 50% |
| **Tổng cộng** |  |  | **50%** |

1. *Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:*

| **Bài đánh giá** | **Hình thức** | **Nội dung** | **Thời lượng** | **Công cụ đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A.1.1 Thảo luận | [TL]Thảo luận nhóm, nộp bài thảo luận trên hệ thống LMS. | [TL01] Thảo luận về đặc điểm hệ thống kế toán quản trị | 30 phút/bài | Rubric 1 |
| A.1.2 Bài trắc nghiệm | [TN01] và [TN02] Thực hiện bài tập trắc nghiệm trên hệ thống LMS | Bài trắc nghiệm để sinh viên tự đánh giá kiến thức cuối chương từ chương 1 đến chương 6 | 40 phút/bài | Ma trận đề thi 1 |
| A.1.3 Bài tập thực hành | [BTTH1] VÀ [BTTH2] Thực hiện bài tập trên hệ thống LMS | [BTTH1] Lập dự toán sản xuất kinh doanh của một đơn vị mô phỏng.  [BTTH2] Thu thập thông tin thích hợp cho việc ra quyết định trong một tình huống giả định | 90 phút/bài | Rubric 2 |
| A.2.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài tập trắc nghiệm tại lớp học trực tiếp/trên hệ thống LMS | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 4 | 60 phút | Ma trận đề thi 2 |
| A.2.2 Bài tự luận | Thực hiện bài tập tự luận tại lớp học trực tiếp/trên hệ thống LMS | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 4 | 30 phút | Đáp án |
| A.3.1 Bài trắc nghiệm | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường | Bài đánh giá nội dung học tập từ chương 1 đến chương 7 | 90 phút | Ma trận đề thi 3 |

1. *Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá): Xem phụ lục đề cương môn học*
2. Kế hoạch giảng dạy/Teaching schedule (Tỷ lệ trực tuyến: 6/45)
   * 1. *Áp dụng cho buổi học 5 tiết/buổi*

| **Tuần/buổi học**  **Week**  **Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | | | | | | | | | **Bài đánh giá**  **Student assessment** | | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo**  **Textbooks and materials** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/Self-study** | | | **Trực tiếp/FTF** | | | | **Trực tuyến /Online** | |
| **Lý thuyết/Theory** | | **Thực hành/Practice** | | **Lý thuyết/Theory** | |
| **Hoạt động**  **Activity** | | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Periods** |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Giới thiệu về KTQT**  1.1. Khái niệm KTQT  1.2 Chức năng nhà quản trị  1.3 So sánh KTQT và Kế toán tài chính  1.4 Vai trò của KTQT  1.5 Đạo đức nghề nghiệp. | CLO1  CLO3 | Đọc trước Chương 1 tài liệu [1], [2] và thảo luận trên LMS sau chương 1 | | 13 | Giới thiệu nội dung môn học và quy định môn học theo đề cương.  Học lý thuyết Chương 1: Giới thiệu về KTQT. | 5 |  |  |  |  | A1.1  A1.2 | | [1], [2] | |
| 2 | **Chương 2: Chi phí và phân loại chi phí**  2.1 Khái niệm chi phí  2.2 Phân loại chi phí | CLO1  CLO3 | Đọc trước Chương 2 tài liệu [1], chương 2 tài liệu [2] | | 13 | Học lý thuyết Chương 2: Chi phí và phân loại chi phí, làm bài tập | 5 |  |  |  |  | A1.2 | | [1], [2] | |
| 3 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận**  3.1 Số dư đảm phí  3.2 Phân tích CVP  3.3 Phân tích điểm hòa vốn | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 3 tài liệu [1], &  Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 3  [TN01] | | 13 | Học lý thuyết Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận  Làm bài tập chương 3 | 5 |  |  | Xem video  [VD01] | 3 | A1.2 | | [1], [2] | |
| 4 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (tiếp theo)**  3.4 Phân tích kết cấu chi phí  3.5 Kết cấu mặt hàng  3.6 Giả định trong phân tích CVP | CLO3 | Đọc trước chương 9 tài liệu [2] | | 13 | Học lý thuyết Chương 3 (tiếp theo): Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận  Làm bài tập chương 3 (tiếp theo) | 5 |  |  |  |  | A1.1  A1.2 | | [1], [2] | |
| 5 | **Chương 4: Lập dự toán ngân sách**  4.1 Dự toán ngân sách  4.2 Dự toán sản xuất kinh doanh | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 4 tài liệu [1], chương 13 tài liệu [2]  &  Thực hiện  Bài tập thực hành [BTTH1] sau chương 4 | | 14 | Học lý thuyết Chương 4: Dự toán ngân sách,  Làm bài tập chương 4 | 5 |  |  |  |  | A1.2  A1.3 | | [1], [2] | |
| 6 | Kiểm tra giữa kỳ  **Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý**  5.1 Kế toán trách nhiệm  5.2 Đánh giá thành quả quản lý  5.3 Định giá chuyển giao  5.4 Báo cáo bộ phận | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 5 tài liệu [1] | | 13 | Học lý thuyết Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý  Làm bài tập chương 5 | 5 |  |  | Xem video 2  [VD02] | 3 | A2.1  A1.2 | | [1], [2] | |
| 7 | **Chương 6: Định giá sản phẩm và định giá dịch vụ**  6.1 Tổng quản về định giá  6.2 Định giá bán sản phẩm  6.3 Định giá bán dịch vụ  6.4 Định giá trong trường hợp đặc biệt  6.5 Chi phí mục tiêu | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 6 tài liệu [1] | | 13 | Học lý thuyết Chương 6: Định giá sản phẩm và định giá dịch vụ  Làm bài tập chương 6 | 5 |  |  |  |  | A1.2 | | [1], [2] | |
| 8 | **Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định**  7.1 Thông tin thích hợp  7.2 Lựa chọn thông tin thích hợp trong một số bài toán quản lý  **Ôn tập** | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 7 tài liệu [1], chương 11 tài liệu [2] và làm bài TN2, bài tập thực hành 2 [BTTH2] sau chương 7 | | 13 | Học lý thuyết Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định.  Làm bài tập chương 7  Ôn tập | 4 |  |  |  |  | A1.2  A1.3 | | [1], [2] | |
| **Tổng cộng/Total** | | | | **X** | **105** | **X** | **39** | **X** | **0** | **X** | **6** |  |  | |

* + 1. *Áp dụng cho buổi học 3 tiết/buổi*

| **Tuần/ buổi học**  **Week Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hoạt động dạy và học/Teaching and learning** | | | | | | | | | **Bài đánh giá**  **Student assessment** | **Tài liệu chính và tài liệu tham khảo**  **Textbooks and materials** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự học/ Self-study** | | | **Trực tiếp/FTF** | | | | **Trực tuyến (nếu có)/Online (if any)** | |
| **Lý thuyết/ Theory** | | **Thực hành/ Practice** | | **Lý thuyết/ Theory** | |
| **Hoạt động**  **Activity** | **Số giờ**  **Hour** | **Hoạt động**  **Activity** | | **Số tiết**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số tiết**  **Periods** | **Hoạt động**  **Activity** | **Số tiết**  **Periods** |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Giới thiệu về KTQT**  1.1. Khái niệm KTQT  1.2 Chức năng nhà quản trị  1.3 So sánh KTQT và Kế toán tài chính | CLO1  CLO3 | Đọc trước Chương 1 tài liệu [1] | 5 | Học lý thuyết Chương 1 | | 3 |  |  |  |  | A.1.1  A.1.2 | [1], [2] |
| 2 | **Chương 1. Giới thiệu về KTQT (tiếp theo)**  1.4 Vai trò của KTQT  1.5 Đạo đức nghề nghiệp. | CLO1  CLO3 | Đọc trước Chương 1 tài liệu [2] và thảo luận trên LMS sau chương 1 | 5 | Học lý thuyết Chương 1  (tiếp theo) và làm bài tập sau chương 1 | | 3 |  |  |  |  | A.1.1  A.1.2 | [1], [2] |
| 3 | **Chương 2: Chi phí và phân loại chi phí**  2.1 Khái niệm chi phí  2.2 Phân loại chi phí | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 2 tài liệu [1], chương 2 tài liệu [2] | 10 | Học lý thuyết Chương 2  &  Làm bài tập sau chương 2 | |  |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 4 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận**  3.1 Số dư đảm phí  3.2 Phân tích CVP | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 3 tài liệu [1] | 7 | Học lý thuyết chương 3 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 5 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (tiếp theo)**  3.3 Phân tích điểm hòa vốn | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 3 tài liệu [1] | 7 | Học lý thuyết chương 3 | | 3 |  |  | Xem video  [VD01] | 3 | A.1.2 | [1], [2] |
| 6 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (tiếp theo)**  3.4 Phân tích kết cấu chi phí  3.5 Kết cấu mặt hàng  3.6 Giả định trong phân tích CVP | CLO2  CLO3 | Thực hiện trắc nghiệm trên LMS sau chương 3  [TN01] | 6 | Học lý thuyết chương 3 và làm bài tập chương 3 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 7 | **Chương 4: Lập dự toán ngân sách**  4.1 Dự toán ngân sách  4.2 Dự toán sản xuất kinh doanh | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 4 tài liệu [1] | 10 | Học lý thuyết Chương 4 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 8 | **Chương 4: Lập dự toán ngân sách (tiếp theo)**  4.2 Dự toán sản xuất kinh doanh (tiếp theo) | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 4 tài liệu [1]&  Thực hiện  Bài tập thực hành [BTTH1] sau chương 4 | 10 | Học lý thuyết chương 4 và làm bài tập chương 4 | |  |  |  |  |  | A.1.2  A.1.3 | [1], [2] |
| 9 | **Kiểm tra giữa kỳ**  **Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý**  5.1 Kế toán trách nhiệm  5.2 Đánh giá thành quả quản lý | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 5 tài liệu [1] | 10 | Kiểm tra giữa kỳ  Học lý thuyết Chương 5 | | 3 |  |  |  |  | A.2.1  A.1.2 | [1], [2] |
| 10 | **Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý (tiếp theo)**  5.3 Định giá chuyển giao  5.4 Báo cáo bộ phận | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 5 tài liệu [1] | 10 | Học lý thuyết Chương 5  &  Làm Bài tập chương 5 | | 3 |  |  | Xem video  [VD02] | 3 | A.1.2 | [1], [2] |
| 11 | **Chương 6: Định giá sản phẩm và định giá dịch vụ**  6.1 Tổng quản về định giá  6.2 Định giá bán sản phẩm  6.3 Định giá bán dịch vụ  6.4 Định giá trong trường hợp đặc biệt  6.5 Chi phí mục tiêu | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 6 tài liệu [1] | 10 | Học lý thuyết chương 6  &  Làm Bài tập chương 6 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 12 | **Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định**  7.1 Thông tin thích hợp  7.2 Lựa chọn thông tin thích hợp trong một số bài toán quản lý | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 7 tài liệu [1] | 8 | Học lý thuyết chương 7 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2 | [1], [2] |
| 13 | **Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định (tiếp theo)**  7.2 Lựa chọn thông tin thích hợp trong một số bài toán quản lý (tiếp theo)  **Ôn tập** | CLO2  CLO3 | Đọc trước Chương 7 tài liệu [1], &  Thực hiện  Trắc nghiệm [TN2], bài tập thực hành [BTTH2] | 7 | Học lý thuyết chương 7 và làm bài tập chương 7 | | 3 |  |  |  |  | A.1.2  A.1.3 | [1], [2] |
| **Tổng** |  |  |  | **105** |  | | **39** |  | **0** |  | **6** |  |  |

*Ghi chú:*

A.1.1-TL01 Bài thảo luận về đặc điểm của hệ thống kế toán quản trị.

A.1.2-TN01 Bài tập trắc nghiệm chương 1, chương 2 và chương 3.

A.1.2-TN02 Bài tập trắc nghiệm chương 4, chương 5 và chương 6.

A.1.3-BTTH01 Bài tập thực hành lập dự toán sản xuất kinh doanh với thông tin cho sẵn.

A.1.3-BTTH02 Bài tập thực hành thu thập thông tin thích hợp cho việc ra quyết định trong một tình huống giả định.

VD01 Video số 1 về nội dung “Giả định trong phân tích CVP”

VD02 Video số 2 về nội dung “Định giá chuyển giao”

1. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá

| **Tuần/ buổi học**  **Week Section** | **Nội dung**  **Content** | **CĐR môn học**  **CLOs** | **Hình thức dạy học /Teaching and learning methods** | **Hình thức đánh giá**  **Student assessment** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1. Giới thiệu về KTQT** | CLO1: Giải thích ý nghĩa của hệ thống kế toán quản trị trong doanh nghiệp đối với việc phục vụ chức năng của nhà quản trị  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện thảo luận nhóm, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm  Thảo luận nhóm |
| 2 | **Chương 2: Chi phí và phân loại chi phí** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm. |
| 3 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học. cung cấp video bài giảng.  Sinh viên:  Nghe giảng, xem video, thực hiện bài tập chương |  |
| 4 | **Chương 3: Phân tích quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận (tiếp theo)** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm |
| 5 | **Chương 4: Lập dự toán ngân sách** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm  Bài tập thực hành |
| 6 | Kiểm tra giữa kỳ  **Chương 5: Đánh giá trách nhiệm quản lý** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học. cung cấp video bài giảng.  Sinh viên:  Nghe giảng, xem video, thực hiện bài tập chương  Làm bài kiểm tra giữa kỳ | Bài kiểm tra giữa kỳ  Bài tập trắc nghiệm |
| 7 | **Chương 6: Định giá sản phẩm và định giá dịch vụ** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm. |
| 8 | **Chương 7: Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định**  **Ôn tập** | CLO2: Áp dụng các kỹ thuật định lượng, mô hình cơ bản để cung cấp thông tin thích hợp cho việc hoạch định, ra quyết định và đánh giá thành quả quản lý của nhà quản trị.  CLO3: Hình thành năng lực tổ chức quản lý công việc cá nhân, nhóm cho các hoạt động liên quan đến kế toán. | Giảng viên: Thuyết giảng nội dung môn học, ôn tập và giải đáp thắc mắc.  Sinh viên: Nghe giảng, thực hiện bài tập chương | Bài tập trắc nghiệm.  Bài tập thực hành |

9. Quy định của môn học/Course policy

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:

* Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận theo thời gian quy định.

- Quy định về chuyên cần:

* Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học và thực hiện các hoạt động học tập tại lớp.

- Nội quy lớp học:

* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
* Sinh viên đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
* Sinh viên không tham gia bất kỳ hoạt động nào trên LMS thì sẽ không có điểm quá trình.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**  **DEAN OF THE FACULTY**  *(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)* | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  **ACADEMIC**  *(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)* |

**PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**RUBRIC 1**

**Bài thảo luận**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên tham gia thảo luận của diễn dàn trên hệ thống LMS về chủ đề: Đặc điểm hệ thống kế toán quản trị

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Không đạt | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 6,4 | 6,5 🡪 7,9 | 8,0 🡪 8,9 | 9 🡪 10 |
| Chấp hành đúng thời hạn quy định về thời gian thảo luận | 10% | Không tham gia thảo luận | Trả lời thảo luận ngoài khung thời gian quy định (<12 giờ) | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định nhưng không đúng chủ đề | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định đúng chủ đề nhưng không giải thích cho nhận định của mình | Trả lời thảo luận đúng khung thời gian quy định và đúng chủ đề có giải thích cho nhận định của mình |
| Làm việc nhóm hiệu quả | 20% | Dưới 50% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 50%-> dưới 65% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 65% -> dưới 80% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 80% -> dưới 90% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 90% thành viên tham gia bài thảo luận |
| Nội dung (Đưa ra nhận định đúng sai về chủ đề thảo luận, giải thích cho sự lựa chọn của mình và kèm theo các dẫn chứng thích hợp) | 70% | Bài thảo luận không đáp ứng yêu cầu thảo luận. Trả lời sai, không có giải thích, không có dẫn chứng hỗ trợ câu trả lời. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 40-64%. Các câu trả lời chỉ dừng ở mức trả lời đúng nhưng chưa giải thích/các dẫn chứng chưa thuyết phục. | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 65-79%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức cơ bản | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 80-89%. Các câu trả lời đúng, có giải thích/dẫn chứng ở mức tốt | Sinh viên trả lời câu hỏi thảo luận dưới dạng nhận định đúng/sai, có giải thích với mức độ hợp lý đạt từ 90% trở lên. Các câu trả lời đúng, có giải thích và dẫn chứng ở mức tốt và có liên hệ thực tế trong câu trả lời |

**RUBRIC 2**

**Bài tập thực hành**

**Mô tả nhiệm vụ:** Sinh viên thực hiện bài tập thực hành theo yêu cầu:

[TH01] Lập dự toán ngân sách cho một đơn vị mô phỏng

[TH02] Thu thập thông tin thích hợp cho việc ra quyết định trong một tình huống giả định

| **Tiêu chí đánh giá** | Trọng số | Không đạt | Trung bình | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| < 4 | 4.0 🡪 6,4 | 6,5 🡪 7,9 | 8,0 🡪 8,9 | 9 🡪 10 |
| Tuân thủ lịch trình nộp bài và hình thức trình bày | 10% | - Trình bày nhiều lỗi chính tả, không có cấu trúc bài trình bày (lộn xộn các ý), không đúng biểu mẫu quy định  - Không nộp bài tập thực hành | - Trình bày còn một số lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc nhưng sơ sài, không đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành trễ hạn quy định (<12 giờ) | - Trình bày có ít lỗi chính tả, bài trình bày có cấu trúc rõ, nhưng chưa làm đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày chỉ một vài lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. | - Trình bày không có lỗi chính tả, cấu trúc rõ ràng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, đúng hình thức quy định  - Nộp bài tập thực hành và chấp hành đúng thời hạn quy định theo yêu cầu của giảng viên. |
| Làm việc nhóm hiệu quả | 20% | Dưới 50% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 50%-> dưới 65% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 65% -> dưới 80% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 80% -> dưới 90% thành viên tham gia bài thảo luận | Từ 90% thành viên tham gia bài thảo luận |
| Nội dung (Sử dụng kỹ thuật lập dự toán và phân tích thông tin thích hợp) | 70% | Bài nộp không đáp ứng yêu cầu đưa ra. Không sử dụng được kỹ thuật lập dự toán/ không phân tích được thông tin thích hợp. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 40-64%. Sử dụng được kỹ thuật lập dự toán nhưng chưa quá 50% bảng dự toán. Phân tích được thông tin thích hợp nhưng chưa quá 50% nguồn thông tin. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 65-79%. Sử dụng được kỹ thuật lập dự toán nhưng chưa quá 75% bảng dự toán. Phân tích được thông tin thích hợp nhưng chưa quá 75% nguồn thông tin. | Bài nộp đáp ứng yêu cầu từ 80-89%. Sử dụng được kỹ thuật lập dự toán nhưng chưa quá 90% bảng dự toán. Phân tích được thông tin thích hợp nhưng chưa quá 90% nguồn thông tin. | Sinh viên đáp ứng yêu cầu từ 90% trở lên. Sử dụng được kỹ thuật lập dự toán từ 90% bảng dự toán. Phân tích được thông tin thích hợp từ 90% nguồn thông tin. |

**Ma trận đề thi 1**

**Ma trận đề kiểm tra kết thúc chương (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Kết thúc chương 3** | | | **Kết thúc chương 6** | | | **Tổng** |
| **CĐR** | **M1** | **M2** | **M3** | **M1** | **M2** | **M3** |
| CLO1 | 4 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 |
| CLO2 | 6 | 5 | 4 | 10 | 6 | 4 | 35 |
| **Tổng** | **10** | **6** | **4** | **10** | **6** | **4** | **40** |
| **Tổng** | **20** | | | **20** | | | **40** |

**Ma trận đề thi 2**

**Ma trận đề kiểm tra GIỮA KỲ (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | ***Tổng cộng*** |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *2* | *1* | *0* | *3* |
| *Số điểm* | *0,7* | *0,35* | *0* | 1,05 điểm = 15% |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *8* | *5* | ***4*** | *17* |
| *Số điểm* | *2,8* | *1,75* | *1,4* | 5,95 điểm = 85% |
| **Tổng số câu: 20** | **10** | **6** | **4** | **20** |
| **Tổng số điểm: 7** | **3,5** | **2,1** | **1,4** | **7** |
|  | **50%** | **30%** | **20%** | **100%** |

**Ma trận đề thi 3**

**Ma trận đề kiểm tra CUỐI KỲ (A3.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | ***Tổng cộng*** |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5* | *2* | *0* | *7* |
| *Số điểm* | *1,25* | *0,5* | *0* | 1,75 điểm = 17,5% |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| *Số câu* | *15* | *12* | *6* | *33* |
| *Số điểm* | *3,75* | *3* | *1,5* | 8,25 điểm = 82,5% |
| **Tổng số câu: 40** | **20** | **14** | **6** | **40** |
| **Tổng số điểm: 10** | **5** | **3,5** | **1,5** | **10** |
|  | **50%** | **35%** | **15%** | **100%** |